BỘ CÔNG THƯƠNG

TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

****

BÀI VIẾT

"PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH CUNG CẦU VÀ DỰ BÁO MẶT HÀNG GẠO THÁNG 12 VÀ 12 THÁNG NĂM 2024"

(Thực hiện nhiệm vụ "Cung cấp thông tin phân tích và dự báo thị trường nhằm thúc đẩy và nâng cao hiệu quả kinh doanh, tiêu thụ nông sản trong nước" năm 2024)

BÀI VIẾT
PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH CUNG CẦU VÀ DỰ BÁO MẶT HÀNG GẠO
(Tháng 12 và 12 tháng năm 2024)

I. NGUỒN CUNG

- Tình hình sản xuất

Theo Tổng cục Thống kê, vụ lúa mùa năm 2024 cả nước gieo cấy được 1.540,9 nghìn ha, bằng 99,9% vụ mùa năm trước, trong đó: Các địa phương phía Bắc đạt 997,2 nghìn ha, bằng 99,2%; các địa phương phía Nam đạt 543,7 nghìn ha, bằng 101,1%.

Tính đến ngày 05/12/2024, theo số liệu của Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, các tỉnh, thành phố vùng Đồng bằng sông Cửu Long: Vụ Thu Đông 2024: xuống giống được 710 nghìn ha/700 nghìn ha diện tích kế hoạch, thu hoạch được 524 nghìn ha với năng suất khoảng 58,84 tạ/ha, sản lượng ước đạt 3,082 triệu tấn lúa.

Vụ Đông Xuân 2024-2025: đã xuống giống được 912 nghìn ha/1,490 triệu ha diện tích kế hoạch, đã bắt đầu thu hoạch.

- Tình hình nhập khẩu

Bên cạnh kết quả xuất khẩu khả quan, nhập khẩu gạo cũng tăng đột biến. 10 tháng qua, Việt Nam đã nhập khẩu gạo lên tới 1,2 tỷ USD, tăng gần 73% so với cùng kỳ năm ngoái - mức kỷ lục từ trước đến nay. Đặc biệt riêng trong tháng 10, lượng gạo nhập về tăng trên 200% so với tháng 10 năm ngoái.

Nguyên nhân khiến nhập khẩu gạo tăng mạnh theo các chuyên gia do nguồn cung từ Ấn Độ tăng trở lại, đáp ứng nhu cầu gạo cấp thấp trong nước khi Việt Nam đang ưu tiên sản xuất hàng chất lượng cao.

Gạo nhập khẩu về chủ yếu dùng loại gạo tấm có giá rẻ của Ấn Độ dùng để làm bánh, bún, thực phẩm và thức ăn chăn nuôi... Ngoài ra, doanh nghiệp Việt còn nhập khẩu gạo từ Campuchia, Pakistan với giá thấp hơn so với gạo trong nước. Đây là cách các doanh nghiệp chế biến giảm chi phí đầu vào.

Theo số liệu từ Bộ Thương mại Ấn Độ, nhập khẩu gạo của Việt Nam từ Ấn Độ trong tháng 10/2024 đạt 61.627 tấn, tăng 66,1% so với tháng trước và tăng gấp 4,6 lần so với cùng kỳ năm ngoái

Tính đến hết tháng 102024, xuất khẩu gạo của Ấn Độ sang Việt Nam đạt 425.800 tấn. Thời gian tới, các doanh nghiệp sẽ tiếp tục đẩy mạnh nhập khẩu gạo từ Ấn Độ trở lại sau khi nước này dỡ bỏ các hạn chế xuất khẩu.

Biểu đồ 1: Nhập khẩu gạo của Việt Nam từ Ấn Độ năm 2023-2024

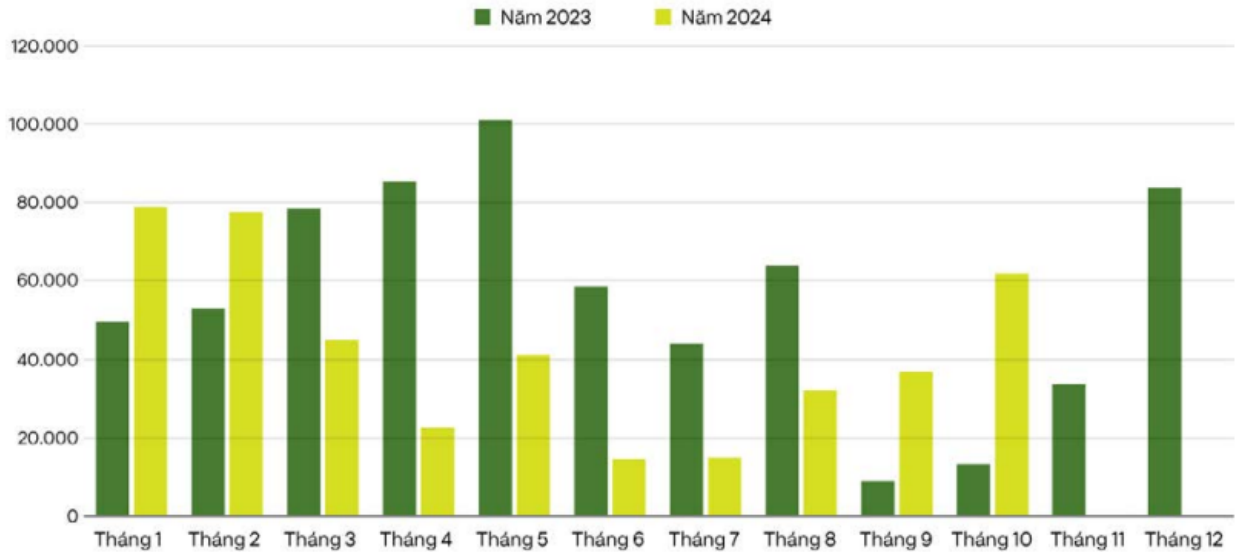

Nguồn: Bộ Thương mại Ấn Độ

II. TIÊU THỤ

- Tiêu thụ trong nước

Theo Bộ NN&PTNT, tổng diện tích lúa cả nước năm 2024 khoảng 7,1 triệu ha. Với năng suất trung bình đạt 60,7 tạ/ha, sản lượng ước đạt trên 43,1 triệu tấn thóc, tăng khoảng trên 452.000 tấn so với năm 2023 (tương đường 27 – 28 triệu tấn gạo).

Trong khi, nhu cầu tiêu thụ lúa gạo trong nước khoảng 29 triệu tấn thóc và lượng xuất khẩu gạo của Việt Nam năm 2024 ước trên 7,5 - 8 triệu tấn (tương đương khoảng 14 triệu tấn thóc). Do đó cân đối nguồn cung lúa gạo hoàn toàn đáp ứng đủ nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

Trong tổng số 29 triệu tấn thóc thì tiêu thụ cùa dân là khoảng gần 12 triệu tấn, phục vụ chế biến là hơn 9,5 triệu tấn, phục vụ chăn nuôi là 4 triệu tấn và còn lại làm làm giống.

Biểu đồ 2: Dự báo tiêu thụ gạo trong nước quý IV-2024

ĐVT: tấn

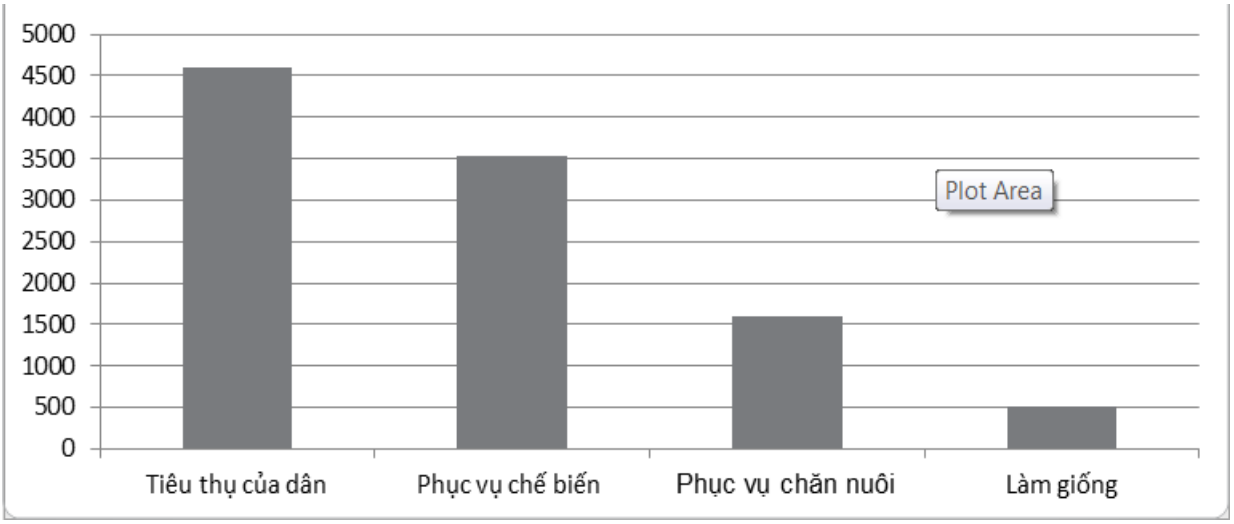

Nguồn: Bộ NN & PTNT

- Tình hình xuất khẩu

Thống kê của Tổng cục Hải quan, 11 tháng qua, ngành lúa gạo đã đạt thành tích ấn tượng khi kim ngạch xuất khẩu đạt 5,3 tỷ USD, tăng 22,4% so với cùng kỳ năm trước. Con số này không chỉ vượt xa thành tích cả năm 2023 mà còn lập kỷ lục mới với tăng trưởng 10,8%.

Theo các doanh nghiệp, kết quả này phản ánh sự thay đổi trong cơ cấu sản xuất. Nông dân ngày càng tập trung vào các giống lúa thơm chất lượng cao để phục vụ xuất khẩu. Nhờ chất lượng vượt trội, gạo được thị trường quốc tế ưa chuộng và đạt mức giá cao hơn nhiều quốc gia, thậm chí có thời điểm đứng đầu thế giới.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cho biết, 95% giống lúa trồng tại Việt Nam là giống chất lượng cao, 89% sản lượng gạo cũng thuộc phân khúc này. Giá xuất khẩu bình quân duy trì ở mức 627 USD một tấn, bất chấp sự cạnh tranh khi Ấn Độ quay lại thị trường.

Trong 11 tháng năm 2024, Philippines, Indonesia, Malaysia là ba thị trường xuất khẩu gạo lớn nhất của Việt Nam, chiếm tổng cộng gần 70% tỷ trọng.

Trong đó, Philippines tiếp tục là thị trường xuất khẩu gạo lớn nhất, đạt hơn 4 triệu tấn, trị giá 2,47 tỷ USD, tăng mạnh 39,3% về lượng và tăng 57,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023, chiếm 47,4% về lượng và 46,6% trong tổng giá trị xuất khẩu gạo của Việt Nam.

Giá gạo xuất khẩu sang thị trường Philippines đạt bình quân 618 USD/tấn, tăng 12,8%.

Đứng thứ hai là Indonesia, đạt 1,13 triệu tấn, trị giá 678,92 triệu USD, tăng 0,6% về lượng và tăng 10,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Thị trường này chiếm 13,4% về lượng và 12,8% tổng khối lượng xuất khẩu của nước ta.

Bên cạnh đó, giá gạo xuất khẩu sang Indonesia đạt bình quân 601 USD/tấn, tăng 9,8%.

Tiếp đến, đứng thứ ba là thị trường Malaysia, đạt 699.739 tấn, trị giá 414,46 triệu USD, giá trung bình 592 USD/tấn, tăng mạnh 79,1% về lượng, 2 lần về trị giá và 15% về giá so với cùng kỳ năm ngoái, chiếm 8,3% về lượng và 7,8% trong tổng trị giá xuất khẩu gạo của cả nước.

Ngoài ra, lượng gạo xuất khẩu sang một số thị trường khác cũng tăng trưởng khá tích cực như: Singapore tăng 20,8%; Mozambique tăng 8,9%; Australia tăng 7,6%; Ả Rập Saudi tăng 35,9%...

Đáng chú ý, Ukraine tăng gần 14,5 lần về lượng và 14,7 lần về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 10.956 tấn, trị giá 7 triệu USD. Tuy nhiên, xuất khẩu gạo sang một số thị trường khác lại ghi nhận sụt giảm như: Ghana giảm 0,3%, Bờ Biển Ngà giảm 13,4%, đặc biệt Trung Quốc giảm tới 71,1%, Campuchia giảm 4%, Hong Kong giảm 22,4%.

Ở chiều ngược lại, nhập khẩu gạo cũng tăng đột biến, đạt 1,24 tỷ USD - cao nhất từ trước đến nay, tăng 57% so với năm ngoái.

Việt Nam nhập khẩu gạo chủ yếu từ Ấn Độ, Myanmar, Pakistan và Campuchia, tận dụng nguồn cung giá rẻ để đáp ứng nhu cầu trong nước và ổn định sản xuất. Những con số này không chỉ phản ánh sự linh hoạt trong chiến lược mà còn khẳng định vị thế ngày càng lớn của Việt Nam trên thị trường lúa gạo toàn cầu.

Trong định hướng phát triển, ngành lúa gạo Việt Nam đang hướng tới tăng giá trị và giảm phát thải. Theo Bộ NN & PTNT, nếu thực hiện thành công Đề án 1 triệu ha lúa chất lượng cao, phát thải thấp, giá trị ngành hàng lúa gạo sẽ còn tăng cao, tạo lợi thế cạnh tranh bền vững cho Việt Nam

Biểu đồ: Lượng và giá xuất khẩu gạo theo tháng năm 2023 – 2024

ĐVT: nghìn tấn; USD/tấn

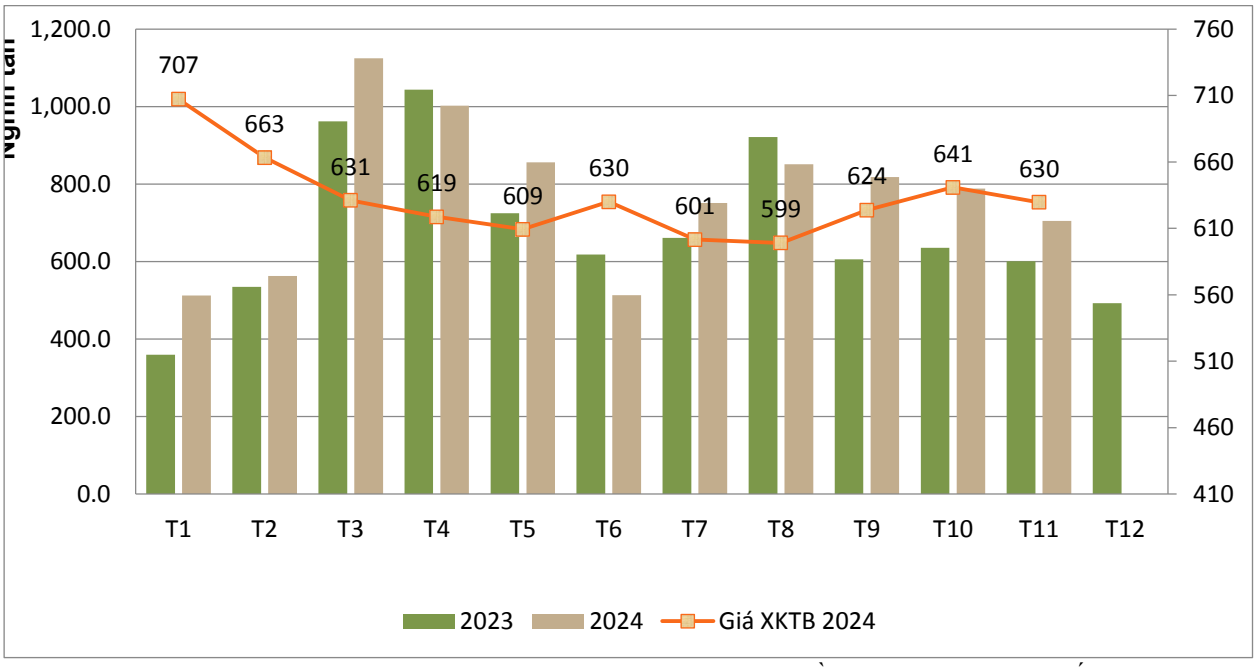

Nguồn: VITIC tính toán từ số liệu của TCHQ

Bảng: Thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam trong tháng 11 và 11 tháng năm 2024

Thị trường	Lượng T11/2024 (tấn)	Trị giá T11/2024 (ngàn USD)	Lượng T11/2024 so với T11/2023 (%)	Trị giá T11/2024 so với T11/2024	Lượng 11T/2024 (tấn)	Trị giá 11T/2024 (ngàn USD)	Lượng 11T/2024 so với 11T/2023 (%)	Trị giá 11T/2024 so với 11T/2023 (%)
Tổng chung	***704.608***	***443.615***	***17,43***	***10,89***	***8.452.266***	***5.302.947***	***10,64***	***22,27***
Philippines	370.043	236.195	51,03	41,65	4.004.497	2.473.250	39,34	57,16
Ghana	50.042	34.712	100,35	90,02	573.182	395.673	-0,3	12,75
Bờ Biển Ngà	46.262	25.652	-9,11	-22,69	437.778	260.070	-13,44	-5,32
Indonesia	43.573	23.998	-60,23	-65,6	1.130.339	678.919	0,62	10,45
Malaysia	25.004	14.583	-20,05	-15,24	699.739	414.463	79,08	105,89
Singapore	8.677	6.024	57,19	58,42	144.446	95.084	20,84	31,43
Trung Quốc	8.785	5.401	-24,64	-22,82	258.760	151.941	-71,11	-70,65
Hồng Kông (TQ)	6.135	4.182	59,43	65,05	49.430	34.139	-22,44	-11,72
Australia	4.067	3.362	-18,27	-8,96	40.240	32.226	7,62	18,67
Các TVQ Ả Rập Thống Nhất	4.397	3.111	15,2	12,37	50.277	36.286	2,07	11,94
Hoa Kỳ	2.837	2.836	-6,37	8,93	29.198	26.494	-11,38	2,43

Ả Rập Xê Út	2.866	2.140	62,84	59,06	36.591	27.549	35,9	52,1
Đài Loan (TQ)	3.083	2.036	52,93	62,18	18.594	11.925	-46,78	-39,08
Campuchia	3.092	1.999	7,55	7,01	53.136	34.302	-3,97	-0,04
Ba Lan	1.634	1.214	32,31	40,56	10.431	8.037	-27,02	-15,32
Nam Phi	1.169	873	88,85	98,88	8.360	6.257	-1,35	9,31
Mozambique	724	578	-84,19	-81,75	85.410	58.906	8,94	25,95
Hà Lan	680	563	-14,89	-12,78	9.556	8.205	-21,73	-5,84
CH Tanzania	520	408			5.975	4.400	-55,61	-50,01
Nga	389	274	29,67	17,05	10.555	7.505	112,33	136,27
Tây Ban Nha	367	245	52,92	30,61	2.309	1.851	-39,55	-35,01
Angola	271	165	17,83	-10,68	1.881	1.441	18,01	43,8
Ukraine	122	95	74,29	68,55	10.956	7.028	1354,98	1370,91
Pháp	95	78	-81,59	-81,61	4.038	3.311	7,25	15,77
Chile	55	46	175	123,94	1.414	899	-80,46	-73,43
Brunây	22	21			109	104	-64,14	-39,38
Algeria		-			81	52		
Bangladesh	-	-100	-100	439	341		-44,01	-40,14
Bỉ		-	-100	-100	941	583	-84,92	-81,78
Thổ Nhĩ Kỳ	-	-100	-100	14,693	9.396		-64,37	-63,59
Senegal		-			2.251	1.589	-81,65	-69,8
Iraq		-	-100	-100	252	214	-41,26	-25,12

Nguồn: VITIC tổng hợp từ số liệu TCHQ

III. DIỄN BIẾN GIÁ

Trong tháng 12/2024, giá lúa, giá gạo nguyên liệu và thành phẩm trong nước giảm bởi nguồn cung tăng.

Trong đó, với mặt hàng lúa, giá lúa tươi neo cao, nhu cầu mua cầm chừng. Theo cập nhật từ Sở NN&PTNT tỉnh An Giang, hiện giá lúa IR 50404 (tươi) dao động ở mức 7.800 - 8.000 đồng/kg; lúa OM 5451 dao động ở mốc 8.600 - 8.800 đồng/kg; lúa OM 380 dao động ở mức 7.200 đồng/kg; lúa OM 18 (tươi) dao động ở mốc 9.200 -

9.400 đồng/kg; lúa Đài Thơm 8 (tươi) dao động ở mốc 9.200 - 9.400 đồng/kg; Nàng Hoa 9 dao động ở mức 9.200 - 9.400 đồng/kg; lúa Nhật ở mốc 7.800 - 8.000 đồng/kg.

Tại nhiều địa phương hôm nay, giao dịch chậm, nhu cầu mua cầm chừng, giá neo cao. Tại Sóc Trăng, giao dịch lúa chậm, giá có xu hướng quay đầu, người mua vắng. Tại Kiên Giang, lúa mùa đồng vuông tôm giao dịch chậm, bạn hàng ngưng mua nhiều, giá có xu hướng quay đầu.

Tại An Giang, nhu cầu mua lúa Thu Đông cầm chừng, thương lái tập trung lấy lúa đã cọc, giá lúa neo cao. Tại Long An, nông dân chào bán lúa Thu Đông nhiều, giá neo cao, ít giao dịch mua bán. Tại Bạc Liêu, giao dịch lúa mới chậm, bạn hàng chủ yếu lấy lúa đã cọc.

Với mặt hàng gạo, gạo nguyên liệu IR 504 ở mức 10.100 - 10.200 đồng/kg; gạo thành phẩm IR 504 dao động ở mức 12.200 - 12.400 đồng/kg.

Với phụ phẩm, giá các mặt hàng phụ phẩm dao động trong khoảng từ 5.900 - 9.100 đồng/kg. Hiện, giá tấm thơm dao động ở mốc 9.000 - 9.100 đồng/kg; giá cám khô dao động ở mốc 5.900 - 6.000 đồng/kg.

Tại các chợ lẻ, gạo đi ngang. Gạo thường dao động ở mốc 17.000 - 18.000 đồng/kg. Hiện gạo Nàng Nhen có giá niêm yết cao nhất 28.000 đồng/kg. Gạo thơm chào giá cao dao động ở mức 20.000 - 22.000 đồng/kg; gạo Jasmine 17.000 - 18.000 đồng/kg; gạo Nàng hoa 21.500 đồng/kg; gạo thơm thái hạt dài 20.000 - 22.000 đồng/kg; gạo Hương Lài 22.000 đồng/kg; gạo trắng thông dụng 17.500 đồng/kg; gạo thơm Đài Loan 21.000 đồng/kg; gạo Sóc thường 18.500 đồng/kg; gạo Sóc Thái giá 21.000 đồng/kg; gạo Nhật giá 22.500 đồng/kg.

Bảng: Giá lúa gạo trong nước trong nước tháng 12/2024

ĐVT: đ/kg

Chủng loại	Ngày 04/12/2024	Ngày 13/12/2024	Ngày 18/12/2024	Ngày 27/12/2024
Gạo nguyên liệu IR 504	10.150 - 10.300	10.100 - 10.200	10.300-10.500	10.400 - 10.500
Gạo thành phẩm IR 504	12.300 - 12.400	12.200 - 12.400	12.300 -12.500	12.400 - 12.550
Tấm OM 5451	9.000 - 9.100	9.000 - 9.100	9.200 - 9.400	9.300 - 9.400
Cám vàng	5.900 - 6.050	5.900 - 6.000	6.000 - 6.100	5.950 - 6.100

Nguồn: Hiệp hội Lương thực Việt Nam

Giá gạo xuất khẩu bình quân trong 11 tháng 2024 đạt 627 USD/tấn, tăng 10,5% so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên, trong tháng 11, giá gạo xuất khẩu có dấu hiệu hạ nhiệt khi đạt bình quân 630 USD/tấn, giảm 1,8% so với tháng trước và giảm 5,6% so với tháng 11/2023

Biểu đồ 8: Diễn biến giá gạo xuất khẩu bình quân của Việt Nam qua các tháng từ năm 2022-2024

Đơn vị: USD/tấn

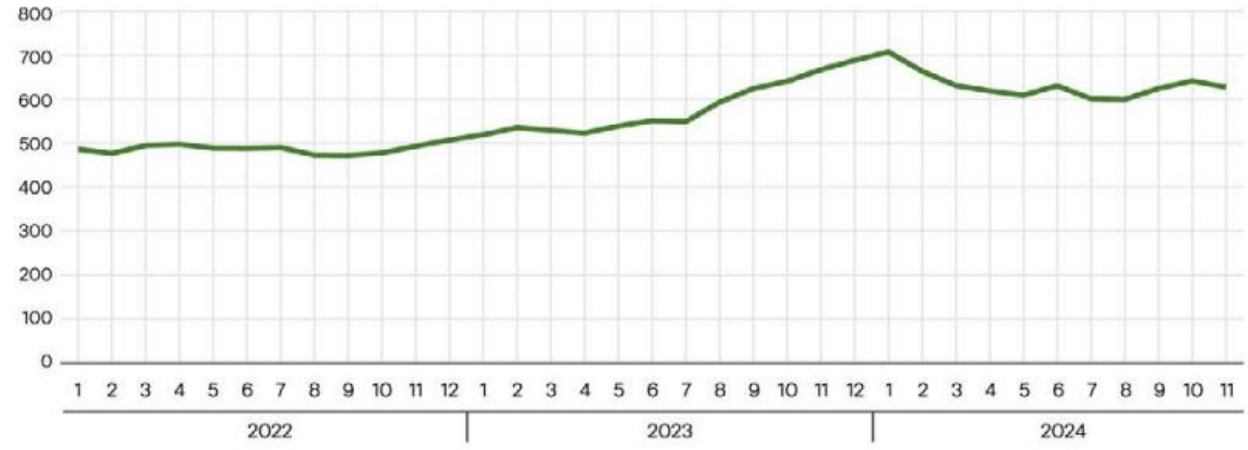

Nguồn: Tổng cục Hải quan

III. DỰ BÁO, ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Với kết quả đạt được trong 11 tháng, gạo đã trở thành mặt hàng nông sản thứ hai của Việt Nam đạt giá trị xuất khẩu trên 5 tỷ USD, sau rau quả. Dự báo, cả năm 2024, xuất khẩu gạo có thể thiết lập cột mốc kỷ lục mới từ 5,6 – 5,8 tỷ USD.

Trong báo cáo mới nhất, Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) dự báo xuất khẩu gạo của Việt Nam trong năm 2024 sẽ đạt con số cao kỷ lục là 9 triệu tấn, tăng 100.000 tấn so với dự báo trước đó. Chủ yếu là nhờ nhu cầu của các khách hàng truyền thống tăng cao, với Philippines dự kiến sẽ nhập khẩu kỷ lục 5,3 triệu tấn trong năm nay, tăng 300.000 tấn so với dự báo trước. Tương tự, Indonesia cũng tăng thêm 300.000 tấn và đạt con số 4,1 triệu tấn.

Tuy nhiên, USDA nhận định, năm 2025, do sự trở lại của Ấn Độ nên hoạt động xuất khẩu gạo của Việt Nam sẽ bị ảnh hưởng đáng kể

Để đáp ứng nhu cầu nhập khẩu từ các khách hàng thế giới, doanh nghiệp Việt Nam phải tiếp tục giữ vững và đảm bảo nguồn cung gạo ổn định, không ngừng nâng cao chất lượng và chủng loại các sản phẩm gạo xuất khẩu, góp phần duy trì gia tăng giá trị kim ngạch xuất khẩu.

Ngoài việc đa dạng hoá sản phẩm, các doanh nghiệp cần tăng cường xây dựng thương hiệu gạo Việt Nam. Điều này giúp Việt Nam cạnh tranh sòng phẳng trên trường quốc tế.

MỤC LỤC

I. NGUỒN CUNG…….....1

- Tình hình sản xuất...……..…….1

- Tình hình nhập khẩu……..1

II. TIÊU THỤ……2

III. DIỄN BIẾN GIÁ……5

IV. DỰ BÁO, ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ……..7